

Bản án số: **155/2025/HS-PT**

Ngày: 15/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán:

Ông **Phạm Tồn**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 551a2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Ngô Thị Thu H** và các bị cáo khác về tội “Nhận hối lộ”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HS-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Ngô Thị Thu H**, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1976 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú: **Số H, ngách C, ngõ A, tổ A, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội**. Nơi ở hiện nay: **Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên **Công ty Đ2**. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nữ, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông **Ngô Văn D**, sinh năm 1955 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1955. Có chồng tên **Trần Ngọc S**, sinh năm 1972 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 15/3/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** ra Quyết định khởi tố bị can về Tội nhận hối lộ, quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình. Bị tạm giam từ ngày 22/6/2023 đến ngày 19/10/2023 tại Trại tạm giam **Công an tỉnh P**; bảo lãnh từ ngày 19/10/2023 đến ngày 16/11/2023; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023 đến nay tại **xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Ngô Thị Thu H**: Luật sư **Nguyễn Hà A**, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Công ty L3, Phòng 1007, tầng 10, tòa nhà T, số A L, quận Đ, TP .. Có mặt.

2. **Phan Đình T1**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1972 tại tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký thường trú: **Tổ B, phường P, quận N, thành phố Hà Nội**. Nơi ở hiện nay: **thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Đ2. Đảng viên Đ3, sinh hoạt tại Chi bộ **khu phố G, thị trấn H, huyện S**, bỏ sinh hoạt từ năm 2021, đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông **Phan Văn C**, sinh năm 1945 và bà **Phạm Thị Minh Đ**, sinh năm 1946, có vợ tên **Trần Thị Kim M**, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/11/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định khởi tố bị can về Tội nhận hối lộ, quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Bị tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến ngày 07/02/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh P; bảo lãnh từ ngày 07/02/2024 đến ngày 15/3/2024; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2024 đến nay tại **xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Phan Đình T1**: Luật sư **Ngô Minh T2**, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. Địa chỉ: Văn phòng L4, 265 N, phường E, Tp ., tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. **Phan Trung H1**, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1976 tại tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký thường trú: **Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình**. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Đ2. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông **Phan Văn C**, sinh năm 1945 và bà **Phạm Thị Minh Đ**, sinh năm 1946, có vợ tên **Phan Thị N**, sinh năm 1984 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 03/4/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; ngày 06/12/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Thái Bình ra Quyết định khởi tố bị can về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị tạm giam từ ngày 16/3/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Phan Trung H1**: Luật sư **Lê Anh N1**, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Công ty L5, số E ngõ A, P. Pháo Đài L, P. L, Đ, TP .. Có mặt.

4. **Lê Tự T3**, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1972 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: **A N, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên của Trung tâm đảng kiểm 78-02D. Chức vụ: Nguyên Giám đốc Trung tâm Đ2. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông **Lê Văn Q** (chết) và bà **Lê Thị Đ1** (chết), có

vợ tên **Hồ Thị Thúy V**, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 24/11/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử tuyên phạt 04 năm 06 tù về tội Tội nhận hối lộ, quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đang chấp hành án tại **Trại giam Đ4 - Bộ C3**, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk được trích xuất về Trại tạm giam **Công an tỉnh P**. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo **Lê Tự T3**: Luật sư **Ngô Thiên P**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh P**. Địa chỉ: **Văn phòng L6, D N, phường D, Tp ., tỉnh Phú Yên**. Có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ.

5. **Nguyễn Châu Kim L**, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1984 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi đăng ký thường trú: **A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Nơi ở hiện nay: **E Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Nghề nghiệp: Đăng kiểm viên của Trung tâm đăng kiểm 78-02D. Chức vụ: Nguyên Giám đốc **Trung tâm Đ2**. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông **Nguyễn Việt V1**, sinh năm 1946 và bà **Châu Thị H2**, sinh năm 1946, có vợ tên **Huỳnh Thị Cẩm V2**, sinh năm 1988 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: ngày 16/3/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** ra Quyết định khởi tố bị can về Tội nhận hối lộ, quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2023 đến nay tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo **Nguyễn Châu Kim L**: Luật sư **Đoàn Cửu V3**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh P**. Địa chỉ: **Công ty TNHH MTV K1, C N, phường G, Tp ., tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

6. **Phạm Xuân H3**, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1991 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: **Khu phố F, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Nghề nghiệp: Đăng kiểm viên của Trung tâm đăng kiểm 78-02D. Chức vụ: Nguyên Giám đốc **Trung tâm Đ2**. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông **Phạm Xuân B**, sinh năm 1964 và bà **Đinh Thị N2**, sinh năm 1966, có vợ tên **Nguyễn Ngọc Linh T4**, sinh năm 1998 và 01 con, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 16/3/2023 đến ngày 05/10/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an huyện T**; bảo lãnh từ ngày 05/10/2023 đến ngày 16/11/2023; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023 đến nay tại **thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo **Phạm Xuân H3**: Luật sư **Nguyễn Tâm H4**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh P**. Địa chỉ: **Văn phòng Luật sư H, A T, phường D, Tp ., tỉnh Phú Yên**. Có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ.

7. **Võ Quốc N3**, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1995 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: **Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**. Nghề nghiệp: Đăng kiểm viên của Trung tâm đăng kiểm 78-02D. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông **Võ Văn V4**, sinh năm 1971 và bà **Châu Thị Ánh T5**, sinh năm 1973, có vợ tên **Huỳnh Thị Ái K**, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ

ngày 16/3/2023 đến ngày 05/10/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T; bảo lãnh từ ngày 05/10/2023 đến ngày 16/11/2023; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023 đến nay tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Quốc N3: Luật sư Nguyễn Hương Q1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. Địa chỉ: Công ty L7, C M, phường E, Tp ., tỉnh Phú Yên. Có mặt.

8. Nguyễn Thị P1, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1986 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Thủ quỹ Công ty Đ2. Đảng viên Đ3, đã đình chỉ sinh hoạt Đảng. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nữ, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1966, có chồng tên Đinh Thế C1, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 16/3/2023 đến ngày 13/7/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện P; bảo lãnh từ ngày 13/7/2023 đến ngày 15/11/2023; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2023 đến nay tại xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị P1: Luật sư Ngô Thiên P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. Địa chỉ: Văn phòng L6, D N, phường D, Tp ., tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ.

9. Nguyễn Thị Mỹ H5, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1988 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Kế toán Công ty Đ2. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nữ, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị T7, sinh năm 1964, có chồng tên Nguyễn Tấn H6, sinh năm 1973 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/7/2023 đến nay tại xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H5: Luật sư Lưu Thị Tuyết A1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. Địa chỉ: Văn phòng L4, 265 N, phường E, Tp ., tỉnh Phú Yên. Có mặt.

10. Trần Quốc B1, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1998 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố Đ, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm đăng kiểm 78-02D. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Trần Văn Q2, sinh năm 1971 và bà Lê Thị Thu T8, sinh năm 1975. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2024 đến nay tại thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Quốc B1: Luật sư Phạm Hồng P3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. Địa chỉ: Công ty L8, G N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên và Luật sư Nguyễn Thanh M1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. Địa chỉ:

Số C N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Luật sư P3 có đơn xin xét xử vắng mặt, Luật sư M1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ2 (Công ty Đ2) địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên do Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1 và chị Ngô Thị Thu H7 góp vốn thành lập; ngành nghề kinh doanh là kiểm tra và phân tích kỹ thuật (đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải); Công ty Đ2 (Trung tâm Đ2) tại địa chỉ trên, được Cục Đ5 - Bộ G cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, số lượng 01 dây chuyền kiểm định loại II, bắt đầu hoạt động đăng kiểm từ ngày 12/10/2020. Công ty do H làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, T1 làm Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, Phan Trung H1 làm Phó Giám đốc Công ty, Lê Tự T3 - Đăng kiểm viên làm Giám đốc Trung tâm đăng kiểm 78-02D từ ngày 12/10/2020 đến tháng 16/4/2021, Nguyễn Châu Kim L - Đăng kiểm viên làm Giám đốc Trung tâm Đ2 từ ngày 17/4/2021 đến ngày 10/10/2022, Phạm Xuân H3 - Đăng kiểm viên làm việc từ ngày 12/10/2020 đến tháng 3/2023, trong đó từ ngày 11/10/2022 đến tháng 3/2023 làm Giám đốc Trung tâm Đ2; Tổ Đăng kiểm còn có Võ Quốc N3- Đăng kiểm viên làm việc từ ngày 12/10/2020 đến tháng 3/2023, anh Phùng Văn P4- Đăng kiểm viên làm việc từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2021, anh Trịnh Công V5 – Đăng kiểm viên làm việc từ tháng 9/2022 đến tháng 11/2022; Tổ dán tem kiểm định có: Phạm Văn H8 làm việc từ ngày 12/10/2020 đến ngày 09/7/2021, anh Bùi Duy L2 làm việc từ tháng 8/2021 đến tháng 9/2021, Trần Quốc B1 làm việc từ tháng 10/2021 đến 3/2023; Nguyễn Thị Mỹ H5 làm Kế toán, Nguyễn Thị P1 làm Thủ quỹ, đều làm việc từ tháng 10/2020 đến 3/2023; Tổ nhân viên nghiệp vụ, gồm: các ông Phạm Hùng C2 (từ tháng 10/2020 đến tháng 4/2021 tăng cường làm việc cho Tổ đăng kiểm), Nguyễn Thanh B2, Võ Phúc T9, Đào Tấn H9, ngoài ra công ty còn các nhân viên làm nhiệm vụ khác. Giám đốc Trung tâm Đ2 là Tổ trưởng phụ trách dây chuyền kiểm định, ký cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (giấy chứng nhận) cho phương tiện xe cơ giới đến kiểm định.

Theo Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ G (trước đó là Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015) quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ quy định: khi kiểm định Đăng kiểm viên phải tiến hành kiểm tra các nội dung được quy định tại Bản G, Bảng 2, Phụ lục II kèm theo Thông tư này và việc thực hiện kiểm tra phải qua 05 công đoạn, gồm: Công đoạn 1: kiểm tra nhận dạng, tổng quát; Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện; Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang; Công đoạn 4: kiểm tra môi trường; Công đoạn 5: kiểm tra phần dưới của phương tiện. Kết quả kiểm tra phải đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, nếu các khiếm khuyết, hư hỏng

của xe quan trọng và nguy hiểm như: kích thước xe, thùng hàng không đúng với hồ sơ kỹ thuật; lượng khí thải vượt chuẩn; lốp mòn; hệ thống đèn mờ, hư hỏng; hiệu quả hệ thống phanh kém.v.v.. thì không được cấp giấy chứng nhận kiểm định mà phải yêu cầu chủ xe sửa chữa các hư hỏng để kiểm định lại.

Đầu tháng 10/2020, trước khi **Trung tâm Đ2** hoạt động, **Phan Đình T1** đại diện chủ doanh nghiệp tổ chức họp và thống nhất với **Lê Tự T3**, **Phạm Xuân H3**, **Võ Quốc N3** khi kiểm định được phép nhận thêm tiền của các chủ xe, lái xe đưa phương tiện đến kiểm định để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện và tỷ lệ ăn chia khoản tiền trên như sau: nếu Đăng kiểm viên được trả lương từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng/tháng thì **Công ty Đ2** thu tự chi, nếu Đăng kiểm viên được trả lương từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng thì chia theo tỷ lệ: chủ doanh nghiệp **G1**; nhân viên 30%, trong đó: Tổ đăng kiểm 20%; Tổ nhân viên nghiệp vụ, kế toán, thủ quỹ 5%; Tổ dán tem 5%; tiền do nhân viên Tổ dán tem nhận khi dán tem lên phương tiện tại bãi đậu rồi đưa cho **P1**, **H5** cùng nhau quản lý, theo dõi. Ngoài ra trong năm 2020, sau khi Trung tâm đăng kiểm 78-02D hoạt động, **H** tổ chức họp và thống nhất với **T1**, **H1**, **T3**, **H3**, **N3** về những nội dung như trên. Do **H**, **T1** còn đầu tư xây dựng Trung tâm đăng kiểm 47-06D tại **huyện K, tỉnh Đắk Lắk** nên giao cho **H1** trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Trung tâm đăng kiểm 78-02D, trong đó có việc nhận thêm tiền của chủ xe, lái xe để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện theo chủ trương trên. Để kiểm soát, quản lý tránh bị thất thoát nguồn tiền trên, hàng ngày sau khi nhận tiền từ Tổ dán tem **H5**, **P1** theo dõi, tổng hợp và chuyển hết vào các tài khoản ngân hàng số 1300206441870, 130088683888, 1208888899999 của **H**, cuối tháng **H5** tổng hợp số tiền thu được, tính toán số tiền từng cá nhân được hưởng lợi theo tỷ lệ ăn chia đã thống nhất, báo cáo cho **H** biết, **H** chuyển phần của nhân viên cho **P1** qua tài khoản ngân hàng số 4605205022809 hoặc cho **H5** qua các tài khoản ngân hàng số 4605205175948, 102873085452, để chia lại cho các cá nhân liên quan.

Ngày 16/4/2021, **T3** nghỉ làm việc, **Nguyễn Châu Kim L** thay thế làm Giám đốc **Trung tâm Đ2** từ ngày 17/4/2021 đến ngày 10/10/2022, khi vào làm **L** biết chủ doanh nghiệp cho nhận thêm tiền của chủ xe, lái xe để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện khi kiểm định và thống nhất thực hiện. Từ tháng 4/2021 đến tháng 12/2022, thay đổi tỷ lệ ăn chia, có lúc chủ doanh nghiệp hưởng từ 78%, có lúc hưởng 100%, nhân viên thì ngược lại; cách thức nhận, quản lý tiền tương tự như trên.

Từ ngày 12/10/2020 đến ngày 06/12/2022, Trung tâm đăng kiểm 78-02D tiến hành kiểm định 6.207 phương tiện xe cơ giới với 13.720 lượt đăng kiểm, **T3**, **H3**, **N3**, **L** khi kiểm tra phát hiện phương tiện xe cơ giới có khiếm khuyết, hư hỏng quan trọng, nguy hiểm, không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đã gặp chủ xe, lái xe thông báo lỗi và gợi ý, đề nghị chủ xe, lái xe nếu đồng ý đưa thêm tiền thì không cần mang xe đi sửa chữa mà sẽ được bỏ qua lỗi, cấp giấy chứng nhận và tem kiểm định, số tiền phải đưa thêm từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng để bỏ qua các lỗi liên quan đến đèn, phanh, lốp, khí thải và từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để bỏ qua các lỗi coi nói thùng xe, gắn thêm tời kéo, độ thêm cầu xe..., khi được chủ xe, lái xe đồng ý, **T3**, **H3**, **N3**, **L** đã thực hiện trái quy

trình, phương pháp kiểm tra bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện như: đối với xe không đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải thì sử dụng một xe khác tương tự đảm bảo tiêu chuẩn để kiểm tra thay thế; đối với xe hiệu quả phanh kém thì đạp dìm phanh để tăng cao hiệu quả mà không đạp gấp; đối với xe coi nói để tránh phát hiện vết hàn thì chụp hình đứng phía sau đuôi xe, không chụp nghiêng 450 như quy định...., đồng ý nhận xét 05 công đoạn đều đạt và ký giấy chứng nhận, đưa phương tiện ra bãi đậu ngoài đây chuyên kiểm định, H3, N3 cung cấp biển số xe, lỗi vi phạm, số tiền phải nhận, H1 phân công H8, B1 khi dán tem kiểm định nhận tiền, trong đó: H8 nhận tiền từ ngày 12/10/2020 đến ngày 09/7/2021; khi H8 nghỉ H1 phân công L2 là nhân viên bảo vệ nhận tiền từ tháng 8/2021 đến tháng 9/2021; B1 nhận tiền từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2022, khi nhận tiền H8, B1 biết rõ nhận tiền là để Đăng kiểm viên bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện và thống nhất thực hiện, cuối ngày tập hợp ghi trên giấy số tiền nhận được của từng phương tiện chụp hình gửi qua nhóm zalo tên “Tí tách hàng ngày” có các thành viên Tổ đăng kiểm, Tổ dán tem và H1 để cùng theo dõi, đồng thời đưa tiền cho P1, H5 quản lý, theo dõi trên máy vi tính rồi Phần, H5 chuyển khoản cho H; P1, H5 biết rõ tiền H8, B1 đưa là thu của các chủ xe, lái xe để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện và đồng ý nhận quản lý, theo dõi, tính toán phân chia theo tỷ lệ đã thỏa thuận. Tổng số tiền đã nhận là 5.321.412.000 đồng, trong đó số tiền từng bị can thống nhất, tham gia nhận theo thời gian làm việc: H, T1, H1, N3, P1, H5 là 5.321.412.000 đồng; H3 5.052.452.000 đồng; L 3.363.567.000 đồng; B1 3.093.230.000 đồng; H8 1.904.152.000 đồng; Trị 1.407.745.000 đồng; trong đó có nhiều lần các bị can tham gia nhận từ 2.000.000 đồng trở lên. Theo tỷ lệ ăn chia H lấy 4.121.074.160 đồng, H chuyển cho H5 và Phần 1.200.337.840 đồng chia cho nhân viên, cụ thể: Tổ đăng kiểm 886.406.440 đồng, trong đó từng người nhận: Lê Tự T3 106.253.506 đồng, Nguyễn Châu Kim L 206.701.997 đồng, Phạm Xuân H3 264.894.559 đồng, Võ Quốc N3 256.958.619 đồng, Phạm Hùng C2 9.000.000 đồng, Phùng Văn P4 10.889.019 đồng, Trịnh Công V5 31.708.740 đồng; Tổ nhân viên nghiệp vụ, kế toán, thủ quỹ 139.297.640 đồng, trong đó từng người nhận: Nguyễn Thị Mỹ H5 27.859.528 đồng, Nguyễn Thị P1 27.859.528 đồng, Phạm Hùng C2 14.033.280 đồng, Nguyễn Thanh B2 13.826.248 đồng, Võ Phúc T9 27.859.528 đồng, Đào Tấn H9 27.859.528 đồng; Tổ dán tem 174.633.760 đồng, trong đó từng người nhận: Phan Trung H1 87.316.880 đồng, Phạm Văn H8 40.266.080 đồng, Trần Quốc B1 42.704.400 đồng, Bùi Duy L2: 4.346.400 đồng; Phan Đình Thám không được chia số tiền trên nhưng tiền lương hàng tháng và chi phí sinh hoạt hàng ngày do H chi trả, trong đó có từ nguồn tiền H được chia ở trên. Đầu tháng 12/2022, nghe tin các Trung tâm đăng kiểm bị kiểm tra, xử lý, H1 sợ bị phát hiện nên đã xóa nhóm Zalo trên.

Phòng K2 Công an tỉnh P đã phục hồi, trích xuất dữ liệu điện tử trong điện thoại di động, ổ cứng, máy tính xách tay và CPU tạm giữ của các bị can và doanh nghiệp. Tại bản kết luận giám định số 166/KL-KTHS ngày 24/4/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh P đã phục hồi được 53 hình ảnh (tương ứng 53 ngày), trong đó: 52 tờ là chữ viết của Trần Quốc B1, 01 tờ là chữ viết của Đào Tấn H9 (nhân viên

nghiệp vụ) thể hiện đã thu thêm tiền của các chủ xe, lái xe đến đăng kiểm để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện tổng cộng 447.350.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

1. Áp dụng Điểm a, khoản 4, Khoản 5, Điều 354; Điểm s, t, **K**, Khoản 2, Điều 51; Điểm a, g, Khoản 1, Điều 52 đối với tất cả các bị cáo; Áp dụng thêm Điểm r, v, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **T3**; Áp dụng thêm Khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **H**, **T1**; Áp dụng thêm Khoản 2, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **H1**, **N3**, **H3**, **L**, **T3**, **B1**, **P1**, **H5**; Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **H1**, **T3**. Xử phạt:

1.1 Bị cáo **Ngô Thị Thu H** 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 22/6/2023 đến ngày 19/10/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Ngô Thị Thu H** 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

1.2 Bị cáo **Phan Đình T1** 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 13/7/2023 đến ngày 07/02/2024.

Phạt bổ sung bị cáo **Phan Đình T1** 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

1.3 Bị cáo **Phan Trung H1** 10 (mười) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 22 ngày 03/4/2024 của TAND tỉnh Phú Yên xử phạt bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định Khoản 2, Điều 260 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 16/3/2023).

Phạt bổ sung bị cáo **Phan Trung H1** 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

1.4 Bị cáo **Võ Quốc N3** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 16/3/2023 đến ngày 05/10/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Võ Quốc N3** 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

1.5 Bị cáo **Phạm Xuân H3** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 16/3/2023 đến ngày 05/10/2023.

Phạt bổ sung **Phạm Xuân H3** 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

1.6 Bị cáo **Nguyễn Châu Kim L** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Châu Kim L** 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

1.7 Bị cáo **Lê Tự T3** 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 47 ngày 24/11/2023 của TAND huyện Thuận Nam,

tỉnh Ninh Thuận xử phạt bị cáo **T3** về tội “Nhận hối lộ” theo Khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2023 (BL 532).

Phạt bổ sung bị cáo **Lê Tự T3** 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

1.8 Bị cáo **Trần Quốc B1** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Quốc B1** 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

1.9 Bị cáo **Nguyễn Thị P1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 16/3/2023 đến ngày 13/7/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Thị P1** 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

1.10 Bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ H5** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ H5** 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Cấm các bị cáo **H, T1, H1, N3, H3, L, T3**, Bảo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới trong thời gian 03 (ba) năm; Cấm bị cáo **H5** đảm nhiệm chức vụ liên quan đến kế toán trong thời gian 03 (ba) năm; Cấm bị cáo **P1** đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thủ quỹ trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/9/2024 các bị cáo **H, T1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/9/2024 bị cáo **B1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/9/2024 bị cáo **H1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/9/2024 bị cáo **H5** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/9/2024 các bị cáo **N3, H3, L, P1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/9/2024 bị cáo **T3** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo các bị cáo **Hằng, Thám, H1, Hiền N4, H3, L, T3, P1, B1** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu thập dữ liệu điện tử là USB chứa dữ liệu về số tiền nhận hối lộ tại Trung tâm đăng kiểm 78-02D do bị cáo H5 giao nộp theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Bị cáo H5 trình bày xác định khi biết cơ quan điều tra vào làm việc về những sai phạm của Trung tâm đăng kiểm 78-02D, bị cáo H1 chỉ đạo bị cáo H5 phải tiêu huỷ ngay các ổ cứng máy tính lưu trữ dữ liệu kế toán của Trung tâm đăng kiểm 78-02D nên bị cáo H5 đã mua USB để sao chép lại dữ liệu liên quan đến việc theo dõi số tiền nhận hối lộ tại Trung tâm đăng kiểm 78-02D và sau đó bị cáo H5 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chiếu, xác định rõ số tiền nhận hối lộ để bỏ qua lỗi vi phạm của Trung tâm đăng kiểm 78-02D, số tiền này sau đó được các bị cáo P1, H5 chuyển vào tài khoản ngân hàng của bị cáo H và được bị cáo H chuyển lại một phần để phân chia cho Tổ đăng kiểm, Tổ dán tem, nhân viên công ty theo thoả thuận ăn chia tiền nhận hối lộ đã được hợp, thống nhất từ trước. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều xác định số tiền nhận ngoài trái quy định pháp luật đều được bị cáo P1, H5 tổng hợp và chuyển cho bị cáo H. Bị cáo B1 xác định số tiền nhận của các chủ phương tiện để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện, cuối ngày tổng hợp ghi trên giấy số tiền nhận được của từng phương tiện chụp hình gửi qua nhóm zalo tên “Tí tách hàng ngày” có các thành viên Tổ đăng kiểm, Tổ dán tem và H1 để cùng theo dõi, đồng thời đưa tiền cho P1, H5 quản lý, theo dõi trên máy tính rồi Phân, H5 chuyển khoản cho H, đồng thời trong đó không có khoản tiền bồi dưỡng từ các chủ phương tiện đến đăng kiểm là phù hợp với dữ liệu điện tử phục hồi trích xuất trong điện thoại di động, ổ cứng, máy tính xách tay và CPU tạm giữ của các bị cáo và doanh nghiệp. Tại bản bản kết luận giám định số 166/KL-KTHS ngày 24/4/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh P đã phục hồi được 53 hình ảnh (tương ứng 53 ngày), trong đó: 52 tờ là chữ viết của Trần Quốc B1, 01 tờ là chữ viết của Đào Tấn H9 (nhân viên nghiệp vụ) thể hiện đã thu thêm tiền của các chủ xe, lái xe đến đăng kiểm để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện. Quá trình điều tra, từng bị cáo đã tự nguyện xác định, đối chiếu số tiền nhận hối lộ được chia cho lãnh đạo doanh nghiệp và nhân viên làm việc tại Trung tâm Đ2 (78-02D) trong thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2022 cụ thể từng mốc thời gian, từng số tiền được nhận theo tỷ lệ ăn chia tiền nhận hối lộ đã thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử xét lời khai của các bị cáo Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Phan Trung H1, Võ Quốc N3, Phạm Xuân H3, Nguyễn Châu Kim L, Lê Tự T3, Trần Quốc B1, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Mỹ H5 tại cơ quan điều tra, tại cơ quan truy tố và tại phiên tòa, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài khoản ngân hàng của bị cáo H nhận tiền hối lộ do các bị cáo P1, H5 theo dõi, tổng hợp chuyển hàng ngày, thể hiện thời gian, địa điểm phạm tội, cách thức thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, dữ liệu điện tử được thu thập trong USB do bị cáo H5 giao nộp, dữ liệu điện tử được phục hồi trong điện thoại di động, ổ cứng, máy tính xách tay và CPU tạm giữ của các bị cáo và doanh nghiệp, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 12/10/2020 đến ngày 06/12/2022, tại Trung tâm Đ2 thuộc Công ty Đ2 địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên, Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Phan Trung H1, Võ Quốc N3, Phạm Xuân H3, Nguyễn Châu Kim L, Lê Tự T3, Nguyễn Thị P1, Nguyễn

Thị Mỹ H5, Trần Quốc B1, Phạm Văn H8 đã thống nhất nhận tiền của chủ xe, lái xe bỏ qua lỗi vi phạm của phương khi điểm định, ký cấp giấy chứng nhận và tem kiểm định tổng cộng 5.321.412.000 đồng, số tiền từng bị cáo tham gia nhận, cụ thể: H, T1, H1, N3, P1, H5 5.321.412.000 đồng; H3 5.052.452.000 đồng, L 3.363.567.000 đồng, B1 3.093.230.000 đồng, H8 1.904.152.000 đồng; Trị 1.407.745.000 đồng; trong đó có nhiều lần các bị cáo tham gia nhận từ 2.000.000 đồng trở lên. Từng bị cáo được chia cụ thể: H 4.121.074.160 đồng, H3 264.894.559 đồng, N3 256.958.619 đồng, L 206.701.997 đồng, T3 106.253.506 đồng, H1 87.316.880 đồng, B1 42.704.400 đồng, H8 40.266.080 đồng, H5 27.859.528 đồng, P1 27.859.528 đồng, T1 nhận tiền lương hàng tháng và chi phí sinh hoạt hàng ngày do H trả, trong đó có từ nguồn tiền H được chia.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã xét xử các bị cáo Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Phan Trung H1, Võ Quốc N3, Phạm Xuân H3, Nguyễn Châu Kim L, Lê Tự T3, Trần Quốc B1, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Mỹ H5 về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 354 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, không oan.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính đúng đắn của hoạt động đăng kiểm xe cơ giới, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội.

[2.1] Đối với bị cáo Ngô Thị Thu H – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Đ2 và Phan Đình T1 – Tổng Giám đốc Công ty Đ2 (H và T1 sống chung với nhau như vợ chồng) đã tổ chức cho lãnh đạo, Đăng kiểm viên và các cá nhân tại Trung tâm đăng kiểm 78-02D thuộc Công ty Đ2 thống nhất nhận thêm tiền trái quy định của chủ xe, lái xe để thực hiện không đúng quy định kiểm định, bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện, cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định trái quy định pháp luật và chia nhau sử dụng cá nhân. Số tiền mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 5.321.412.000 đồng. H hưởng lợi bất chính số tiền 4.121.074.160 đồng, T1 được H chi trả tiền lương hàng tháng và chi phí sinh hoạt hàng ngày từ nguồn tiền thu lợi bất chính nêu trên. Các bị cáo H, T1 phạm tội có tổ chức và 02 lần trở lên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm a, g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo H, ngày 15/3/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự; Bị cáo T1, ngày 13/11/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, T1 là những người có chức vụ, quyền hạn và phạm tội với vai trò chủ mưu, cầm đầu, trong đó bị cáo H giữ vai trò chính trong vụ án nên cần xử phạt nghiêm, hình phạt áp dụng đối với T1 thấp hơn H nhưng phải cao hơn hình phạt áp dụng đối với các bị cáo còn lại trong vụ án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét các bị cáo H, T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; đã nộp tiền thu lợi bất chính, trong đó: H nộp 3.970.000.000 đồng, T1 nộp 303.000.000 đồng; bị cáo T1 là anh ruột bị cáo H1

bị xét xử trong cùng vụ án và có cha, mẹ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huy Chương kháng chiến Hạng Nhất, **Hạng N5**; bị cáo **T1** có thời gian phục vụ trong quân ngũ và được Sư đoàn trưởng **Sư đoàn D2** tặng Giấy khen; trong quá trình hoạt động **Công ty Đ2** và **Trung tâm Đ2** tích cực tham gia công tác thiện nguyện trên địa bàn **huyện S**. Các bị cáo **H**, **T1** được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng quy định tại Khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Điều luật quy định để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[2.2] Đối với các bị cáo **Phan Trung H1** – Phó Giám đốc **Công ty Đ2**, **Phạm Xuân H3** – Đăng kiểm viên, Giám đốc **Trung tâm Đ2**, **Võ Quốc N3** – Đăng kiểm viên, **Nguyễn Châu Kim L** – nguyên Giám đốc **Trung tâm Đ2** từ ngày 17/4/2021 đến ngày 10/10/2022, **Lê Tự T3** - nguyên Giám đốc **Trung tâm Đ2** đều phạm tội với vai trò là người thực hành, giúp sức cho các bị cáo **H**, **T1** để nhận thêm tiền trái quy định của các chủ xe, lái xe. Số tiền từng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, cụ thể: **H1** 5.321.412.000 đồng, **H3** 5.052.452.000 đồng, **N3** 5.321.412.000 đồng, **L** 3.363.567.000 đồng, **Trị** 1.407.745.000 đồng. Các bị cáo chia nhau hưởng lợi số tiền thu lợi bất chính, cụ thể: **H1** 87.316.880 đồng, **H3** 264.894.559 đồng, **N3** 256.958.619 đồng, **L** 206.701.997 đồng, **Trị** 106.253.506 đồng. Các bị cáo **H1**, **H3**, **N3**, **L**, **T3** đều phạm tội có tổ chức và 02 lần trở lên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm a, g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo **H1**, ngày 03/4/2024 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại Khoản 2, Điều 260 Bộ luật Hình sự; ngày 06/12/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T**, tỉnh Thái Bình ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự; Bị cáo **T3**, ngày 24/11/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử tuyên phạt 04 năm 06 tù về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự; Bị cáo **L**, ngày 16/3/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo **H**, **T1**, do đó mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo **H1**, **H3**, **N3**, **L**, **T3** thấp hơn mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo **H**, **T1** nhưng phải cao hơn các bị cáo **B1**, **P1**, **H5**. Mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo **H1** phải cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo **N3**, **H3**, **L**. Mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo **N3**, **H3**, **L** là ngang nhau và phải cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo **T3**. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét các bị cáo **H1**, **H3**, **N3**, **L**, **T3** được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; đã nộp tiền thu lợi bất chính, trong đó: **H1** nộp 87.316.880 đồng, **H3** nộp 265.000.000 đồng, **N3** nộp 256.960.000 đồng, **L** nộp 207.000.000 đồng, **Trị** nộp 25.000.000 đồng; trước khi vụ án bị phát giác bị cáo **T3** tự thú, quá trình công tác bị cáo **T3** có thành tích xuất sắc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **P** tặng Bằng khen, bị cáo **T3** có mẹ là

người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba; bị cáo H1 là em ruột bị cáo T1 bị xét xử trong cùng vụ án và có cha, mẹ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huy Chương kháng chiến Hạng Nhất, Hạng N5, Bị cáo H1 có thời gian phục vụ trong quân ngũ; bị cáo N3 có cha là Võ Văn V4 có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất được BCH Hội nông dân xã H, huyện T và Chủ tịch UBND huyện T tặng giấy khen; bị cáo N3 được Hiệu trưởng Trường Q3 cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa 47 đào tạo sỹ quan dự bị BCHT, xếp loại khá; bị cáo Phạm Xuân H3 có cha ruột là Phạm Xuân B là người có công cách mạng, đã tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; trong quá trình hoạt động Công ty Đ2 và Trung tâm Đ2 tích cực tham gia công tác thiện nguyện trên địa bàn huyện S. Các bị cáo H1, H3, N3, L, T3 phạm tội với vai trò đồng phạm do chịu sự chỉ đạo của các bị cáo H, T1 và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng quy định tại Khoản 2, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Điều luật quy định để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[2.3] Đối với các bị cáo Trần Quốc B1 – Nhân viên Công ty Đ2, từ ngày 01/10/2021 đến ngày 06/12/2022 đã thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo H1, trực tiếp yêu cầu, nhận thêm tiền trái quy định của các chủ xe, lái xe khi dán tem, sau đó đưa lại cho Thủ quỹ, Kế toán theo dõi, quản lý, số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 3.093.230.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H5 – Kế toán Công ty Đ2, Nguyễn Thị P1 – Thủ quỹ Công ty Đ2 - đều thực hiện theo sự chỉ đạo của các bị cáo H, T1, H1 - quản lý, theo dõi nguồn tiền Trung tâm nhận thêm trái quy định của chủ xe, lái xe, số tiền mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 5.321.412.000 đồng. Các bị cáo được chia hưởng lợi bất chính số tiền cụ thể: Bảo 42.704.400 đồng, H5 và P1, mỗi bị cáo được chia 27.859.528 đồng. Các bị cáo B1, H5, P1 đều phạm tội có tổ chức và 02 lần trở lên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm a, g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo B1, H5, P1 phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, là những người làm công ăn lương của Công ty Đ2, thực hiện công việc phải chịu sự chỉ đạo, áp lực từ các bị cáo H, T1, H1. Đồng thời, các bị cáo B1, H5, P1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; đã nộp tiền thu lợi bất chính, trong đó: B1 nộp 42.000.000 đồng, H5 nộp 28.000.000 đồng, Phấn nộp 28.000.000 đồng; bị cáo B1 có bà nội Trần Thị T10, ông nội Trần Đăng D1 được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba; bị cáo P1 có cha ruột là Nguyễn Văn P2 có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác Phó Trưởng Ban tổ chức Huyện ủy S1 được BCH Đảng bộ huyện S, Chủ tịch UBND huyện S tặng nhiều giấy khen; Trong quá trình hoạt động Công ty Đ2 và Trung tâm Đ2 tích cực tham gia công tác thiện nguyện trên địa bàn huyện S. Các bị cáo B1, H5, P1 phạm tội trong vụ án là đồng phạm giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng quy định tại Khoản 2, Điều 54

Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Điều luật quy định để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[2.4] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo **H**, **T1**, **N3**, **H3**, **L**, **P1** đã nộp tiền án phí; bị cáo **T1** có xác nhận Công an vận động người phạm tội ra đầu thú, bị cáo **L** làm thiện nguyện, bị cáo **H5** nộp 10 triệu đồng.

[2.4] Về tổng hợp hình phạt:

Bị cáo **Ngô Thị Thu H** phải tổng hợp hình phạt Bản án hình sự phúc thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng.

Bị cáo **Phan Đình T1** phải tổng hợp hình phạt Bản án hình sự phúc thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo 02 năm.

Bị cáo **Phan Trung H1** không phải tổng hợp hình phạt Bản án hình sự phúc thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, vì Bản án hình sự phúc thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã tổng hợp rồi.

[2.5] Đồng thời, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Khoản 5, Điều 354 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và cấm các bị cáo **H**, **T1**, **H1**, **N3**, **H3**, **L**, **T3**, Bảo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới trong thời gian 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù, cấm bị cáo **H5** đảm nhiệm chức vụ liên quan đến kế toán, cấm bị cáo **P1** đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thủ quỹ trong thời gian 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[2.6] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo **H**; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **T1**, **H1**, **Hiền N4**, **H3**, **L**, **T3**, **P1**, **B1** sửa bản án sơ thẩm về phân hình phạt là phù hợp một phần với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng .

[3] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo **H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo **T1**, **H1**, **H5**, **N4**, **H3**, **L**, **T3**, **P1**, **B1** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo **H**; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **T1, H1, Hiền N4, H3, L, T3, P1, B1** sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

1. Áp dụng Điểm a, khoản 4, Khoản 5, Điều 354; Điểm s, t, **K**, Khoản 2, Điều 51; Điểm a, g, Khoản 1, Điều 52 đối với tất cả các bị cáo; Áp dụng thêm Điểm r, v, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **T3**; Áp dụng thêm Khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **H, T1**;

Xử phạt:

1.1 Bị cáo **Ngô Thị Thu H** 16 (mười sáu) năm tù. Tổng hợp hình phạt Bản án hình sự phúc thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng; Buộc bị cáo phải chấp hành 19 (mười chín) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 22/6/2023 đến ngày 19/10/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Ngô Thị Thu H** 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

1.2 Bị cáo **Phan Đình T1** 15 (mười lăm) năm tù. Tổng hợp hình phạt Bản án hình sự phúc thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo 02 năm; Buộc bị cáo phải chấp hành 17 năm (Mười bảy). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 13/7/2023 đến ngày 07/02/2024.

Phạt bổ sung bị cáo **Phan Đình T1** 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

1.3 Bị cáo **Phan Trung H1** 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 16/3/2023).

Phạt bổ sung bị cáo **Phan Trung H1** 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

1.4 Bị cáo **Võ Quốc N3** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 16/3/2023 đến ngày 05/10/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Võ Quốc N3** 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

1.5 Bị cáo **Phạm Xuân H3** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 16/3/2023 đến ngày 05/10/2023.

Phạt bổ sung **Phạm Xuân H3** 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

1.6 Bị cáo **Nguyễn Châu Kim L** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Châu Kim L** 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

1.7 Bị cáo **Lê Tự T3** 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 47 ngày 24/11/2023 của TAND huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xử phạt bị cáo **T3** về tội “Nhận hối lộ” theo Khoản 2, Điều 354

Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2023 (BL 532).

Phạt bổ sung bị cáo **Lê Tự T3** 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

1.8 Bị cáo **Trần Quốc B1** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Quốc B1** 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

1.9 Bị cáo **Nguyễn Thị P1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 16/3/2023 đến ngày 13/7/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Thị P1** 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

1.10 Bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ H5** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ H5** 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

2. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **H1, T3**.

Cấm các bị cáo **H, T1, H1, N3, H3, L, T3**, Bảo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới trong thời gian 03 (ba) năm; Cấm bị cáo **H5** đảm nhiệm chức vụ liên quan đến kế toán trong thời gian 03 (ba) năm; Cấm bị cáo **P1** đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thủ quỹ trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo **T1, H1, H5, N3, H3, L, T3, P1, B1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Văn Thường